

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HS-PT

Ngày: 16/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/1992 tại tỉnh Quảng Bình (nay tỉnh Quảng Trị); nơi cư trú: tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hải K và bà Võ Thị M; có vợ là Hà Thị H1 và 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân nhân: Ngày 18/03/2008 bị TAND tỉnh Quảng Bình (nay tỉnh Quảng Trị) xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về ANQG” quy định tại Điều 94 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được xoá án tích. Ngày 21/4/2023, có hành vi cố ý gây thương tích bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay Công an xã Đ, tỉnh Quảng Trị) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 9/9/2024 cho đến nay; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2022 đến năm 2024, Nguyễn Văn H đã lợi dụng việc người dân khó tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng hợp pháp để hoạt động cho các cá nhân trên địa bàn các huyện T, M, tỉnh Quảng Bình (nay xã T, M, tỉnh Quảng Trị) vay tiền với thủ tục nhanh chóng, thuận tiện với lãi suất cao. H đã cho vay đề thu tiền lãi theo thời hạn thỏa thuận, sau đó khi các cá nhân vay tiền chưa trả xong khoản vay cũ thì H tiếp tục yêu cầu cộng tiền lãi vào tiền gốc và hình thành nên gói vay mới, nhằm thu lợi bất chính.

Với thủ đoạn trên, Nguyễn Văn H đã cho 09 người vay tiền với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 6.845.675.803đ. Số tiền H nhằm mục đích thu lợi bất chính là 379.404.289đ. Số tiền H thu lợi bất chính thực tế là 243.376.233đ, cụ thể như sau:

1. Anh Đinh Mạnh C, sinh năm 1990, trú tại tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị):

Vào tháng 12/2022, anh C đã vay của H số tiền 700.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, tương đương 146%/năm. Gói vay này, anh C đã trả hết tiền gốc và lãi cho Nguyễn Văn H, H đã thu tiền lãi 40 ngày từ anh C, với số tiền lãi đã thu là 112.000.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 15.342.465đ, H thu lợi bất chính số tiền **96.657.534đ**.

2. Anh Phan Anh T, sinh năm 1996, trú tại tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị):

Vào tháng 4/2023, anh T đã vay Hoá số tiền 15.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hóa đã thu tiền lãi từ anh T 150 ngày, với số tiền lãi đã thu được là 6.750.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 1.232.876đ, H thu lợi bất chính số tiền 5.517.123đ.

Đến tháng 10/2023, anh T đã trả được số tiền gốc là 10.000.000đ, còn 5.000.000đ chưa trả, H tiếp tục thu tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hóa đã thu tiền lãi 67 ngày, với số tiền 1.005.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 183.561đ, H thu lợi bất chính số tiền 821.438đ. Anh T đã trả hết tiền gốc và lãi cho H.

Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính từ anh T là **6.338.561đ**.

3. Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1976, trú tại TK1, thị trấn Đ, huyện T, Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị):

Vào tháng 4/2023, anh T1 đã vay của H số tiền 400.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Gói vay này, anh T1 đã trả hết tiền gốc và lãi cho H, H đã thu tiền lãi từ anh T1 85 ngày, với số tiền lãi đã thu là 102.000.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 18.630.136đ, H thu lợi bất chính số tiền **83.369.863đ**.

4. Anh Thái Thanh C1, sinh năm 1992, trú tại Tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị):

Vào tháng 4/2023, anh C1 đã vay của H số tiền 40.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hoá đã thu tiền lãi 150 ngày, với

số tiền lãi là 18.000.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 3.287.671đ, H thu lợi bất chính số tiền 14.712.328đ.

Đến tháng 9/2023, anh C1 đã trả được số tiền gốc là 30.000.000đ, còn 10.000.000đ chưa trả, H tiếp tục thu tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hóa đã thu tiền lãi 120 ngày, với số tiền 3.600.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 657.534đ, H thu lợi bất chính số tiền 2.942.465đ. Anh Chương đã trả hết tiền gốc và lãi cho H.

Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính từ anh C1 là **17.654.793đ**.

5. *Chị Nguyễn Thị Mai T2, sinh năm 1978, trú tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị)*

Vào tháng 4/2023, chị T2 đã vay của H số tiền 20.000.000đ đồng, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Chị T2 đã trả hết tiền gốc và lãi cho H, H thu tiền lãi 300 ngày từ chị T2, với số tiền lãi đã thu là 18.000.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 3.287.671đ, H thu lợi bất chính số tiền **14.712.328đ**.

6. *Chị Mai Thị N, sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị).*

Vào giữa tháng 5/2023, anh Mai Văn T3 là em ruột của chị N liên hệ hỏi vay tiền thì H đồng ý và yêu cầu phải có tài sản để cầm cố và quy định tiền lãi là 2.800đ/triệu/ngày thì anh T3 đồng ý. Sau đó, chị N đến gặp H để vay tiền cho anh T3, chị N mang theo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H xem và H đã đồng ý cho vay 150.000.000đ và quy định với chị Nghĩa L tiền lãi 2.800đ/triệu/ngày và tiền lãi sẽ trả theo tháng (30 ngày) tương đương với mức lãi suất 102,2%/năm và nếu đến thời hạn trả tiền lãi mà chưa trả thì H sẽ cộng tiền lãi đó vào tiền gốc để tiếp tục tính lãi như đã quy định thì chị N đồng ý. Ngày 22/5/2023, để đảm bảo gói vay Hoá đã lập một hợp đồng đặt cọc mua thửa đất số 519, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình của chị N với số tiền cọc 150.000.000đ và nhờ anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1989, trú tại tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện T đứng tên trong hợp đồng, hợp đồng này có thời hạn 06 tháng để chị N ký vào rồi mới cho chị N vay. Sau khi chị N đồng ý và ký vào hợp đồng đặt cọc H đã soạn theo như thoả thuận trước đó thì H đã đưa số tiền 150.000.000đ cho chị N vay và bắt đầu tính tiền lãi.

Theo thoả thuận, cứ 30 ngày nếu chị N không trả tiền lãi thì H sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc và tiếp tục hình thành nên gói vay mới. Với hình thức trên, chị N đã vay của H 10 gói vay, tổng số tiền Hoá cho vay là 2.214.698.393đ, trong đó số tiền thực tế chị N đã nhận của H là 150.000.000đ.

Tổng số tiền H nhằm thu lợi bất chính của chị Nghĩa L **149.628.665đ**. Đến thời điểm hiện tại chị N chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi cho H đối với những gói vay trên.

7. *Ông Mai Văn H2, sinh năm 1962, trú tại xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị).*

Vào giữa tháng 5/2023, anh Mai Văn T3 là cháu của ông H2 liên hệ hỏi vay tiền thì H đồng ý và yêu cầu là phải có tài sản để cầm cố với lãi suất là 2.800đ/triệu/ngày thì anh T3 đồng ý. Sau đó, ông H2 đến gặp H để vay tiền cho anh T3, ông H2 mang theo một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H xem và H đã đồng ý cho vay 200.000.000đ và quy định với ông H2 là tiền lãi 2.800đ/triệu/ngày và tiền lãi sẽ trả theo tháng (30 ngày), tương đương với mức lãi suất 102,2%/năm và nếu đến thời hạn trả tiền lãi mà chưa trả thì H sẽ cộng tiền lãi đó vào tiền gốc để tiếp tục tính lãi như đã quy định thì ông H2 đồng ý. Ngày 25/5/2023, để đảm bảo gói vay Hoá đã lập một hợp đồng đặt cọc mua thửa đất số 671, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình của ông H2 với số tiền cọc 200.000.000đ và hợp đồng có thời hạn 02 tháng để ông H2 ký vào rồi mới cho ông H2 vay. Sau khi ông H2 đồng ý và ký vào hợp đồng đặt cọc H đã soạn thì theo như đã thoả thuận trước đó H đã nhờ anh Hoàng Anh T5, sinh năm 1971, trú tại tiểu khu B, thị trấn Đ chuyển khoản cho anh Mai Văn T3 số tiền 200.000.000đ mà ông H2 đã vay từ Hoá và bắt đầu tính lãi.

Theo thoả thuận, cứ 30 ngày nếu ông H2 không trả tiền lãi thì H sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc và tiếp tục hình thành nên gói vay mới. Với hình thức trên, ông H2 đã vay của H 11 gói vay, tổng số tiền Hoá cho vay là 3.400.977.411đ, trong đó số tiền thực tế ông H2 đã nhận của H là 200.000.000đ. Tổng số tiền H nhằm thu lợi bất chính của ông H2 là **229.775.623đ**. Đến thời điểm hiện tại ông H2 chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi cho H đối với những gói vay trên.

8. Anh Trương Xuân H3, sinh năm 1980, trú tại tiểu khu Đ, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay xã M, tỉnh Quảng Trị).

Vào tháng 6/2023, anh H3 đã vay của H số tiền 35.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hoá thu tiền lãi 90 ngày từ anh H3, với số tiền lãi là 9.450.000 đồng, trong đó tiền lãi H được nhận theo quy định là 1.726.027đ, H thu lợi bất chính số tiền 7.723.927đ.

Đến tháng 9/2023, anh H3 đã trả được số tiền gốc là 20.000.000đ, còn 15.000.000đ chưa trả, H tiếp tục thu tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm đối với khoản 15.000.000đ này. Hoá đã thu tiền lãi 120 ngày, với số tiền 5.400.000đ, trong đó tiền lãi Hoá được nhận theo quy định là 986.301đ, H thu lợi bất chính số tiền 4.412.698đ. Anh H3 còn chưa trả 5.000.000đ tiền gốc cho H.

Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính từ anh H3 là **12.136.652đ**.

9. Anh Đinh Xuân T6, sinh năm 1994, trú tại TDP5, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay xã M, tỉnh Quảng Trị)

Vào tháng 6/2023, anh T6 đã vay của H số tiền 20.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Hoá đã thu tiền lãi 240 ngày, với số tiền lãi đã thu là 14.400.000đ, trong đó tiền lãi Hoá được nhận theo quy định là 2.630.136đ, H thu lợi bất chính số tiền 11.769.863đ.

Đến tháng 02/2024, anh T6 đã trả được số tiền gốc là 10.000.000đ, còn 10.000.000đ chưa trả, H tiếp tục thu tiền lãi 3.000đ/triệu/ngày, tương đương

109,5%/năm. Hóa đã thu tiền lãi 30 ngày, với số tiền 900.000đ, trong đó tiền lãi Hóa được nhận theo quy định là 164.383đ, H thu lợi bất chính số tiền 735.616đ. Anh T6 đã trả hết tiền gốc và lãi cho H.

Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính từ anh T6 là **12.505.479đ**.

Ngoài ra, đối với trường hợp anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1989, trú tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình là người cung cấp số tiền 150.000.000đ để Nguyễn Văn H cho chị Mai Thị N vay tiền, anh T4 cũng là người ký xác nhận tại Bản hợp đồng đặt cọc mua bán đất. Quá trình điều tra xác định số tiền 150.000.000đ của anh T4 là do bị can H mượn, quá trình thỏa thuận lãi suất giữa H và chị N, T4 không tham gia, không biết việc trên và T4 cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy, anh Nguyễn Thanh T4 không đồng phạm với Nguyễn Văn H về hành vi phạm tội trên.

Ngày 22/5/2023, để đảm bảo gói vay Nguyễn Văn H đã lập một hợp đồng đặt cọc mua thửa đất số 519, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình của chị Mai Thị N với số tiền cọc 150.000.000đ để chị N ký vào rồi mới cho chị N vay. Sau đó hoàn thành thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên sang cho anh Nguyễn Thanh T4, anh T4 chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn Hải K (bố của H). Ông K tiếp tục chuyển nhượng sang tên cho con trai là anh Nguyễn Ngọc D1, sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, anh D1 đã thế chấp thửa đất trên để vay tiền tại Ngân hàng V chi nhánh B; Tiếp đến, ngày 25/5/2023, để đảm bảo khoản vay số tiền 200.000.000đ, H đã lập một hợp đồng đặt cọc mua thửa đất số 671, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình của ông Mai Văn H2 với số tiền cọc 200.000.000đ. Quá trình điều tra xác định các hợp đồng đặt cọc mua bán chuyển nhượng đất trên là giả cách, đây chỉ là cách thức, thủ đoạn để H thực hiện việc cho vay.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng sau:

+ 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, số IMEI 1: 351596244165025; IMEI 2: 351596244211530;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Mai Văn H2 và bà Trần Thị Kim L1, DC 687804; Số vào sổ cấp GCN: CS 03214, thửa đất số: 671, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (Bản gốc);

+ 02 Hợp đồng đặt cọc v/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, lập ngày 25/05/2023, tại số H H, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (01 bản gốc và 01 bản in màu mực than).

Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo khác trong vụ án và phần xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23/7/2025, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo; không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Văn H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 02 năm 2024, tại địa bàn huyện T, M, tỉnh Quảng Bình (nay xã T, M, tỉnh Quảng Trị), bị cáo đã cho 09 người vay với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 6.845.675.804đ, lãi suất cho vay từ là 102%/năm đến 146%/năm, gấp từ 5,1 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), tổng số tiền thu lợi bất chính là 622.779.498đ, trong đó thực tế đã thu lợi số tiền 243.375.210đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Nguyễn Văn H; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ, mà còn làm cho người vay tiền đã khó khăn còn lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn; hành vi cho vay lãi nặng cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[2.2] Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội 02 lần trở lên.

[2.3] Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; tự nguyện nộp khắc phục 15.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo giao nộp cho cơ quan chức năng 01 hộp pháo

hoa không phải của Bộ Q sản xuất và 01 khẩu súng tự chế; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đã được cấp sơ thẩm áp dụng.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường